

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Thương hiệu nhượng quyền phản ánh giá trị thương hiệu "Vinaconex" nhận được từ Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam theo một hợp đồng li-xăng ký giữa hai bên với thời hạn 20 năm. Thương hiệu nhượng quyền được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo năm.

Công cụ, dụng cụ và chi phí trả trước dài hạn khác được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của Công ty chủ yếu bao gồm doanh thu bất động sản, bán hàng, kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà nghỉ, khách sạn; và doanh thu khác (môi giới kinh doanh bất động sản ...).

*Đối với kinh doanh bất động sản*

Kinh doanh bất động sản: Đối với bất động sản mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang người mua. Đối với bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản và người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

*Đối với doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Kinh doanh dịch vụ ăn uống, khách sạn*

Kinh doanh dịch vụ ăn uống, khách sạn: Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí lãi vay của ngân hàng và chi phí bảo lãnh vay vốn đã đầu tư vào dự án Cát Bà Amatina nhưng không được vốn hóa vào dự án do dự án giãn tiến độ làm tăng chi phí kinh doanh năm 2012 của Công ty (theo chuẩn mực kế toán Việt Nam – Chuẩn mực số 16 – Chi phí đi vay).

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CĐKT**

	30/06/2014	01/01/2014
<i>Đơn vị tính: đ</i>		
<b>D1- Tiền</b>		
- Tiền mặt	72,350,955	413,551,313
- Tiền gửi ngân hàng	2,247,653,430	294,869,646
- Tiền đang chuyển	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2,320,004,385</b>	<b>708,420,959</b>
<i>Đơn vị tính: đ</i>		
<b>D2- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	266,061,423	956,277,774
- Đầu tư ngắn hạn khác	-	-
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(136,883,665)	(692,718,674)
<b>Cộng</b>	<b>129,177,758</b>	<b>263,559,100</b>
<i>Đơn vị tính: đ</i>		
<b>D4- Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>		
- Cho vay ngắn hạn	-	-
- Phải thu khác	6,209,113,121	6,958,075,287
<b>Cộng</b>	<b>6,209,113,121</b>	<b>6,958,075,287</b>
<i>Đơn vị tính: đ</i>		
<b>D5- Hàng tồn kho</b>		
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	387,593,645	196,570,793
- Công cụ, dụng cụ	136,621,225	4,321,613
- Chi phí SX, KD dở dang	560,096,263,104	559,778,850,199
- Thành phẩm	560,623,913	560,623,913
- Hàng hóa	-	-
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>561,181,101,887</b>	<b>560,540,366,518</b>
<i>Đơn vị tính: đ</i>		
<b>D8- Phải thu dài hạn nội bộ</b>		
- Cho vay dài hạn nội bộ	-	-
- Phải thu dài hạn nội bộ khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<i>Đơn vị tính: đ</i>		
<b>D9- Phải thu dài hạn khác</b>		
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)**

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CĐKT**

- Các khoản tiền nhận uỷ thác	-	-
- Cho vay dài hạn không lãi	-	-
- Phải thu dài hạn khác	-	-
<b>Cộng</b>	-	-

	30/06/2014	01/01/2014
<i>D13- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>		
- Dự án Khu đô thị Cái Giá, Cát Bà	185,837,596,514	180,696,669,243
- Dự án khác	1,320,000	1,320,000
- Chi phí Dự án Xuân Phương		
<b>Tổng số chi phí XDCB dở dang</b>	<b>185,838,916,514</b>	<b>180,697,989,243</b>

Đơn vị tính: đ

	30/06/2014	01/01/2014
<i>D19- Vay và nợ ngắn hạn</i>		
a. Vay và nợ ngắn hạn	-	-
- Vay ngắn hạn ngân hàng	2,500,000,000	-
- Vay ngắn hạn tổ chức	-	-
- Vay ngắn hạn cá nhân	620,000,000	820,000,000
b. Nợ dài hạn đến hạn trả		
- Nợ dài hạn đến hạn trả ngân hàng	37,025,485,784	18,512,742,892
<b>Cộng</b>	<b>40,145,485,784</b>	<b>19,332,742,892</b>

Đơn vị tính: đ

	30/06/2014	01/01/2014
<i>D20- Chi phí phải trả</i>		
- Trích trước hoạt động kinh doanh	4,788,000	4,788,000
- Trích trước lãi sử dụng vốn	32,597,917,306	23,383,199,531
- Trích trước khác	45,889,011,185	53,072,872,326
<b>Cộng</b>	<b>78,491,716,491</b>	<b>76,460,859,857</b>

Đơn vị tính: đ

	30/06/2014	01/01/2014
<i>D21- Phải trả ngắn hạn nội bộ</i>		
- Vay ngắn hạn nội bộ	-	-
- Phải trả ngắn hạn nội bộ khác	-	-
<b>Cộng</b>	-	-

Đơn vị tính: đ

Đơn vị tính: đ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CĐKT**

<i>D22- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn</i>	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	306,561,330	285,826,598
- Bảo hiểm xã hội	60,303,231	-
- Bảo hiểm y tế	33,681,551	17,062,585
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
- Phải trả về cổ phần hoá	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Doanh thu chưa thực hiện	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	105,525,790,914	104,067,347,142
<b>Cộng</b>	<u>105,926,337,026</u>	<u>104,370,236,325</u>

<i>D24- Vay và nợ dài hạn</i>	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
- Vay và nợ ngân hàng	129,589,200,240	148,101,943,132
<b>Cộng</b>	<u>129,589,200,240</u>	<u>148,101,943,132</u>

Đơn vị tính: đ

**CÔNG TY CP ĐT VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VINACONEX**

Tầng 4, Tòa nhà Đại Phát, Ngõ 82, phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Kỳ hoạt động quý II năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Đơn vị tính: đ

D6- Chi phí trả trước ngắn hạn	Đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào CPSXKD trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Cuối quý
- Công cụ dụng cụ	52,135,735	30,322,452	44,249,873	-	38,208,314
- Chi phí bảo hiểm	-	-	-	-	-
- Chi phí khác	69,360,000	-	69,360,000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>121,495,735</b>	<b>30,322,452</b>	<b>113,609,873</b>	<b>-</b>	<b>38,208,314</b>

Đơn vị tính: đ

D18- Chi phí trả trước dài hạn	Đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào CPSXKD trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Cuối quý
- Chi phí trả trước về thuế hoạt động TSCĐ	-	-	-	-	-
- Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	-	-	-	-
- Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn	-	-	-	-	-
- Chi phí cho giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ vô hình	2,235,344,964	-	69,193,824	-	2,166,151,140
- Công cụ dụng cụ	381,313,125	656,278,830	234,418,295	-	803,173,660
- Vật tư luân chuyển	-	-	-	-	-
- Chi phí sửa chữa lớn	-	-	-	-	-
- Chi phí lãi vay	-	-	-	-	-
- Chi phí khác	43,186,892,039	-	1,535,812,037	-	41,651,080,002
<b>Cộng</b>	<b>45,803,550,128</b>	<b>656,278,830</b>	<b>1,839,424,156</b>	<b>-</b>	<b>44,620,404,802</b>

**CÔNG TY CP ĐT VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VINACONEX**

Tầng 4, Tòa nhà Đại Phát, Ngõ 82, phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Kỳ hoạt động quý II năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Đơn vị tính: đ

D7- Thuế và các khoản phải thu/nộp Nhà nước	Đầu năm	Phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Cuối quý
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	(5.861,774,852)	(252,221,891)	358,937,289	(6,472,934,032)
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
- Thuế TNDN	(3,924,845,103)	-	-	(3,924,845,103)
- Thuế thu nhập cá nhân	245,492,690	(36,338,730)	2,897,403	206,256,557
- Thuế tài nguyên và phí BV môi trường	647,076	-	-	647,076
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	-	-
- Thuế thu trên vốn	-	-	-	-
- Các loại thuế khác	138,830,677,900	2,680,000	2,680,000	138,830,677,900
<b>Cộng</b>	<b>129,290,197,711</b>	<b>(285,880,621)</b>	<b>364,514,692</b>	<b>128,639,802,398</b>

Lưu ý: *nhập số dương (+) nếu là thuế phải nộp  
số âm (-) nếu là thuế phải thu/được khấu trừ*

Thuế GTGT được khấu trừ (5,922,540,645)  
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (3,924,845,103)  
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước 139,137,583,459  
  
(6,880,427,592)  
(3,927,577,106)  
139,447,807,096

**CÔNG TY CP ĐT VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VINACONEX**

Tầng 4, Tòa nhà Đại Phát, Ngõ 82, phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Kỳ hoạt động quý II năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

**D10 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: đ

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>					
Số dư đầu năm	57,335,400,837	4,320,012,626	3,977,645,188	1,424,854,743	67,057,913,394
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	1,000	65,000,000	65,001,000
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(65,000,000)	-	-	(65,000,000)
Số dư cuối Quý II/2014	57,335,400,837	4,255,012,626	3,977,646,188	1,489,854,743	67,057,914,394
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	8,601,681,565	1,965,259,940	1,778,597,608	941,222,648	13,286,761,761
Khấu hao trong kỳ	1,106,613,012	239,262,811	262,091,106	151,914,040	1,759,880,969
Tặng khác	-	-	-	-	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối Quý II/2014	9,708,294,577	2,204,522,751	2,040,688,714	1,093,136,688	15,046,642,730
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>					
Tại ngày đầu năm	50,946,945,296	3,480,756,648	3,885,238,484	910,598,780	53,771,151,633
Số dư cuối Quý II/2014	47,627,106,260	2,050,489,875	1,936,957,474	396,718,055	52,011,271,664

- Giá trị còn lại cuối năm/kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm/kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm/kỳ chờ thanh lý:

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai:

- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình:

311,712,648



**CÔNG TY CP ĐT VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VINACONEX**

Tầng 4, Tòa nhà Đại Phát, Ngõ 82, phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Kỳ hoạt động quý II năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

**D12- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng dài	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>					
Số dư đầu năm	-	-	42.530.450	321.472.400	364.002.850
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối Quý II/2014	-	-	42.530.450	321.472.400	364.002.850
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	-	-	42.530.450	250.921.931	293.452.381
Khấu hao trong kỳ	-	-	-	29.550.481	29.550.481
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối Quý II/2014	-	-	42.530.450	280.472.412	323.002.862
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>					
Tại ngày đầu năm	-	-	-	70.550.469	70.550.469
Số dư cuối Quý II/2014	-	-	-	40.999.988	40.999.988

Đơn vị tính: đ